

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

## QUYỂN 21

### Phẩm 5: PHÂN BIỆT TÙY MIÊN (PHẦN 3)

Trước đây trong phần nói về tùy miên và triền, Đức Thế Tôn chỉ nói đến các loại lậu, bộc lưu v.v... mà thôi hay còn có các loại khác?

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Do kết đẳng sai biệt*

*Phục thuyết hữu ngũ chủng.*

Dịch nghĩa :

*Do sai biệt của kết v.v...*

*Nên nói có năm loại.*

(Do sự khác nhau của kết v.v...

Nên lại nói có năm loại).

**Luận:** Vì các phiền não kết sử, trói buộc, tùy miên, tùy phiền não, và triền khác biệt nhau nên lại nói có đến năm loại.

Hỏi: Kết sử là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Kết cứu vật thủ đẳng*

*Lập kiến thủ nhi kết*

*Do nhị duy bất thiện*

*Cập tự tại khởi cố*

*Triền trung duy tật xan*

*Kiến lập vi nhị kết*

*Hoặc nhị số hành cố*

*Vi tiện bản nhân cố*

*Biến hiển tùy hoặc cố*

*Nã loạn nhị bộ cố.*

Dịch nghĩa:

*Chín kết có vật, thủ v.v...*

*Lập nên kiến, thủ kết  
Hai loại này bất thiện  
Và tự tại khởi lên  
Trong triền có tật, xan  
Thiết lập thành hai kết  
Hoặc hai loại số hành  
Làm nhân sự nghèo hèn  
Biến hiện tùy phiền não  
Gây não loạn hai bộ.*

(Chín kết có vật, thủ như nhau nên lập thành hai loại là kiến kết và thủ kết. Do tính chất bất thiện và tự tại sinh khởi nên trong số các triền, chỉ tật và xan được lập thành hai loại kết. Hoặc vì hai loại này thường hiện hành, vì là nhân của sự nghèo hèn, vì hoàn toàn hiển lộ ở tùy phiền não, và vì não loạn hai bộ).

**Luận:** Có chín loại kết sử là ái, khuể, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật, xan.

Ái kết là tham của cả ba cõi. Tính chất của các loại còn lại được giải thích tùy theo từng trường hợp riêng của chúng, (tỷ dụ như các loại kết sử thứ hai, thứ tám và thứ chín chỉ có riêng ở Dục giới).

Kiến kết bao gồm ba loại kiến đầu tiên là thân kiến, biên chấp kiến và tà kiến.

Thủ kết bao gồm hai loại kiến cuối cùng là kiến thủ và giới cấm thủ.

Có một vấn đề được đặt ra ở đây: Có trường hợp một người bị trói buộc với các pháp tương ứng với kiến (tức các thọ v.v... tương ứng với thủ) là chỉ do ái kết chứ không phải kiến kết, và trong lúc đó loại kiến tùy miên lại không thể tùy tăng ở nơi có các pháp này không? Vẫn có trường hợp này. Chúng ta hãy xét đến trường hợp một người đã khởi cái biết về “tập” (tập trí) nhưng chưa khởi cái biết về “diệt” (diệt trí). Lúc đó người này có khởi ái kết đối với các pháp tương ứng với các kiến về kiến thủ và giới cấm thủ, tức là các pháp được đoạn trừ vì diệt đế và đạo đế. Người này lúc đó sẽ bị ràng buộc với các pháp này do vì ái kết chứ không phải kiến kết, vì người này đã đoạn trừ loại kiến kết biến hành thuộc kiến khổ tập đoạn, và lúc đó không có loại kiến kết phi biến hành duyên các pháp này hoặc tương ứng với chúng. Tuy nhiên kiến tùy miên vẫn tùy tăng đối với các pháp này vì hai loại kiến về thủ (thủ kết) nếu chưa được đoạn thì vẫn tùy tăng.

Hỏi: Tại sao lập ba loại kiến đầu làm thành một loại kết sử (kiến

kết) và hai loại cuối cùng làm một loại kết sử khác (thủ kết)?

Đáp: Vì có số lượng các sự vật bằng nhau, vì đều có chung tính chất “thủ” nên hai loại kiến cuối cùng được lập riêng thành một kết.

Ba loại kiến đầu tiên tạo thành mười tám sự vật riêng biệt: tà kiến thuộc Dục giới được đoạn trừ vì mỗi một trong bốn đế, và hai loại kiến cuối cùng gồm mười hai kiến thủ và sáu giới cấm thủ cũng như vậy.

Khác với ba loại kiến đầu tiên, hai loại cuối cùng đều có thể tánh thuộc về thủ. Chúng lấy ba loại kiến đầu tiên làm cảnh nhưng ba loại đầu tiên lại không thể làm như vậy.

Hỏi: Tại sao tật và xan được lập thành hai loại kết khác nhau trong khi các loại triền khác lại không thể làm như vậy?

Đáp: Tật và xan được lập thành kết vì trong số các triền thì chúng là loại vừa có tánh bất thiện lại vừa sinh khởi tự tại, ở đây khi nói “tự tại” là hàm ý chúng chỉ bị ràng buộc với vô minh, trong khi các loại triền khác lại không có đủ cả hai tính chất này trong cùng một lúc.

Có ý kiến cho lý do trên chỉ hợp lý đối với các luận sư chỉ thừa nhận tám loại triền, đối với các luận sư thừa nhận có đến mười loại triền thì lý do trên không giải quyết được khó khăn này vì phần và phú đều có cùng lúc hai tính chất bất thiện và tự tại sinh khởi, và như vậy lẽ ra chúng cũng được xếp vào loại kết sử. Lại nữa tật và xan còn là nhân của sự nghèo hèn, thường biểu hiện khắp với sự buồn vui kèm theo phiền não, làm não loạn hai bộ chúng tại gia và xuất gia, trời và A-tu-la, người và trời v.v...

Ở các nơi khác, Đức Thế Tôn nói trong số các kết sử có năm kết sử thuộc “phần dưới” (thuận hạ phần).

Tụng nói: (Âm Hán)

*Hựu ngũ thuận hạ phần  
Do nhị bất điều dục  
Do tam phục hoàn hạ  
Nhiếp môn căn cố tam  
Hoặc bất dục phát thú  
Mê đạo cập nghị đạo  
Năng chướng thú giải thoát  
Cố duy thuyết đoạn tam.*

Dịch nghĩa:

*Năm kết thuộc hạ phần  
Do hai không thoát Dục  
Do ba hoàn Dục giới*

*Thâu môn, căn nên ba  
Hoặc do không muốn đến  
Mê mờ và nghi ngờ  
Hay chướng ngại giải thoát  
Nên chỉ nói đoạn ba.*

(Lại có năm kết thuộc loại thuận hạ phần vì hai kết không vượt được Dục giới vì ba kết phải trở lại Dục giới, vì bao hàm môn, căn nên chỉ có ba, hoặc vì sự không muốn đi. Sự mê mờ và nghi ngờ chánh đạo thường chướng ngại sự đi đến giải thoát nên chỉ nói đoạn ba).

**Luận:** Năm loại này là hữu thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục tham và sân hận. Chúng được gọi là thuận hạ phần vì chúng có liên hệ và thuận hợp với “phần ở phía dưới”, tức chỉ cho Dục giới.

Như vậy trong số này có hai kết sử khiến cho người ta không thể vượt qua được Dục giới và ba kết sử khiến cho người ta phải trở lại Dục giới.

Dục tham và sân khuể ngăn chặn sự xuất lià dục giới, thân kiến và hai loại kết sử còn lại làm cho những người đã xuất lià dục giới phải trở lại đó, chúng giống như viên cai ngục và các ngục tốt.

Có ý kiến khác cho vì ba kết sử trên mà người ta không thể thoát khỏi tình trạng tồn tại một cách thấp hèn, tức chỉ cho tính chất của dị sinh, và vì hai loại kết sử trên mà người ta không thể thoát ra khỏi cảnh giới ở bên dưới, tức chỉ cho Dục giới, đây là lý do tại sao năm loại này có tên là “hạ phần”.

Hỏi: Đức Thế Tôn có nói được quả Dự lưu là nhờ đoạn trừ toàn bộ ba kết sử được nói đến ở trên, nhưng nếu là Dự lưu thì cũng phải đoạn trừ thêm ba loại kiến là biên chấp kiến, tà kiến, và kiến thủ. Như vậy đối với trường hợp của dị sinh, lẽ ra Đức Thế Tôn phải gọi các kiến này là kết sử?

Đáp: Lẽ ra phải như vậy nhưng vì ba loại đầu có bao hàm cả “cửa” và căn (nhiếp môn căn). Có ba nhóm phiền não: 1. Nhóm đơn (duy nhất thông), được đoạn trừ do kiến khổ đế, tức thân kiến và biên chấp kiến; 2. Nhóm đôi (nhị thông) được đoạn trừ do kiến khổ đế và kiến đạo đế, tức giới cấm thủ; 3. Nhóm bộ tứ (tứ bộ) được đoạn trừ do kiến bốn đế, tức nghi, tà kiến và kiến thủ. Vì thế khi nói đến ba loại kết sử đầu tiên, Đức Thế Tôn có ý chỉ cho “cánh cửa” của các phiền não khác, tức là nơi bắt đầu của mỗi một nhóm phiền não. Đức Thế Tôn cũng có ý chỉ cho căn vì biên chấp kiến vận hành được là nhờ thân kiến, kiến thủ vận hành được là nhờ giới cấm thủ, và tà kiến vận hành được là nhờ nghi.

Có thuyết cho sở dĩ ba kết này được nói đến là vì có ba sự việc ngăn ngại giải thoát là sự không muốn đi (bất dục phát), sự mê mờ chánh đạo, và sự nghi ngờ chánh đạo. Cũng giống như trên thế gian ba sự việc này có thể ngăn cản sự đi đến một nơi khác thì đối với Thánh đạo chúng cũng có thể có sự ngăn ngại như vậy: 1. Thân kiến gây ra sự sợ hãi đối với giải thoát và khiến người ta không muốn đạt đến đó; 2. Giới cấm thủ thì vì nương vào một con đường tu tập khác nên làm cho người ta bị mê mờ chánh đạo; 3. Và nghi chính là sự nghi ngờ đối với chánh đạo. Đức Thế Tôn vì muốn dạy hàng Dự lưu đã đoạn trừ được ba loại chướng ngại này cho nên mới nói là họ đã đoạn trừ ba kết sử.

Giống như trường hợp của năm kết sử “thuận hạ phần”, Đức Thế Tôn cũng đã dạy về năm loại kết sử “thuận thượng phần”.

Tụng: (Âm Hán)

*Thuận thượng phần diệc ngũ  
Sắc, Vô sắc nhị tham  
Trạo cử mạn, vô minh  
Linh bất siêu thượng cố.*

Dịch nghĩa:

*Năm kết thuận thượng phần  
Hai tham Sắc, Vô sắc  
Trạo cử, mạn, vô minh  
Khiến không vượt thượng giới.*

(Thuận thượng phần cũng có năm kết là hai loại tham thuộc Sắc và Vô sắc giới. Trạo cử, mạn, và vô minh vì cản trở sự vượt qua thượng giới).

**Luận:** Năm kết sử này được gọi là “thượng phần”. Điều này hàm ý người ta không thể vượt qua các giới ở trên (thượng giới) nếu chưa đoạn được các kết sử này. Đến đây đã kết thúc phần nói về các kết sử.

Hỏi: Có bao nhiêu loại phược?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Phược tam do tam thọ.*

Dịch nghĩa:

*Ba phược do ba thọ.*

(Có ba loại phược vì có ba thọ).

**Luận:** Phược có ba loại là tất cả các tham, tất cả các sân, và tất cả các si.

Hỏi: Tại sao chỉ có ba loại này được gọi là phược?

Đáp: Là vì có ba thọ. Tham tùy tăng theo lạc thọ, lấy lạc thọ làm

đối tượng duyên và tương ứng với nó, đối với khổ thọ thì có sân, đối với xả thọ thì có si, và cũng có cả tham lẫn sân nhưng không bằng si. Hoặc khi nói “có ba phước vì có ba thọ” là nhằm chỉ cho loại cảm thọ cá nhân (tự tương tục).

Hỏi: Đã giải thích về phước, vậy tùy miên là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tùy miên tiền dĩ thuyết.*

Dịch nghĩa:

*Tùy miên trước đã nói.*

(Tùy miên đã được nói ở trên).

**Luận:** (Tùy miên có sáu loại, bảy loại, mười loại, hoặc chín mười tám loại như đã nói ở trên).

Hỏi: Tùy phiền não là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tùy phiền não thử dư*

*Nhiễm tâm sở hành uẩn.*

Dịch nghĩa:

*Ngoài ra tùy phiền não*

*Tâm nhiễm sở, hành uẩn.*

(Ngoài số này ra, tùy phiền não còn là các tâm nhiễm sở thuộc hành uẩn).

**Luận:** Các phiền não còn được gọi là tùy phiền não vì chúng làm cho tâm nhiễm ô.

Ngoài phiền não ra, các tâm sở nhiễm ô thuộc về hành uẩn cũng được gọi là tùy phiền não, có nghĩa là các tâm sở này được tìm thấy ở cạnh phiền não, hoặc các phiền não được tìm thấy ở cạnh chúng. Chúng không phải là phiền não vì chúng không phải là căn, và đã được nói đến ở kinh Tạp Sự.

Tiếp theo đây sẽ là phần trình bày sự liên hệ giữa phiền não với các triền và phiền não cấu.

Tụng: (Âm Hán)

*Triền bát vô tâm quý*

*Tật xan tinh hối miên*

*Cập trạo cử, hôn trầm*

*Hoặc thập gia phần phú*

*Vô tâm xan trạo cử Giai*

*tòng tham sở sinh Vô*

*tâm miên, hôn trầm*

*Tòng vô minh sở khởi Tật,  
phần tòng sân khởi Hối  
tòng nghi, phú, tránh.*

Dịch nghĩa:

*Tám triền không hổ, then  
Tật, xan và hối miên  
Và trạo cử, hôn trầm  
Thêm phần, phú là mười  
Không hổ, xan, trạo cử  
Đều theo tham mà sinh  
Không then, miên, hôn trầm  
Theo vô minh sinh khởi  
Tật, phần nương sân khởi  
Hối theo nghi, phú, tránh.*

(Tám triền là không hổ, không then tật, xan, hối, miên, trạo cử và hôn trầm. Hoặc mười triền nếu kể thêm phần và phú. Không hổ, xan, trạo cử đều sinh khởi từ tham. Không then, miên, hôn trầm do vô minh sinh khởi. Tật và phần khởi từ sân. Hối từ nghi, phú từ tránh).

**Luận:** Phiền não còn được gọi là triền như trong Khế kinh có nói: “Người ta trải qua một nỗi khổ xuất phát từ triền, triền này chính là tham”.

Luận Phẩm Loại Túc dạy có tám loại triền. Tỳ-bà-sa lại nói đến mười loại, tức thêm vào phần và phú: 1-2. Không hổ và không then, giống như đã được giải thích trước đây; 3. Tật là tâm đố kỵ trước sự hưng thịnh của người khác; 4. Xan là tâm keo kiệt, đi ngược lại sự bố thí về pháp và tài vật; 5. Trạo cử giống như đã trình bày ở trước; 6. Hối có hai loại thiện và bất thiện nhưng chỉ có loại nhiễm ô mới gọi là triền; 7. Hôn trầm, giống như đã được trình bày ở trước; 8. Miên là sự bạc nhược, sự dằn nén của tâm khiến cho tâm không còn khả năng điều khiển thân, miên có ba loại là thiện, nhiễm và vô ký nhưng chỉ có loại nhiễm ô được gọi là triền; 9. Phần là tâm giận dữ đối với chúng sinh (tinh) cũng như với các sự vật (phi tinh), nhưng không giống như sân và hại; 10. Phú là sự che giấu lỗi lầm của mình.

Hỏi: Nguồn gốc của các triền là gì?

Đáp: Không hổ, trạo cử, và xan xuất phát từ tham, hôn trầm, miên, và không then xuất phát từ vô minh, hối xuất phát từ nghi, tật và phần xuất phát từ sân. Ở đây khi nói “xuất phát” là hàm ý “tuôn chảy” (đăng lưu). Về phú đã có nhiều ý kiến trái ngược nhau. Có người cho phú xuất

phát từ ái, có người cho xuất phát từ vô minh, có người cho có thể xuất phát từ ái hoặc vô minh tùy theo trường hợp liễu tri hay không liễu tri.

Như vậy mười tùy phiền não trên đây chính là đấng lưu của các phiền não.

(Các phiền não cấu tiết ra từ các phiền não, cũng giống như các chất cấu bản tiết ra từ thân thể). Như vậy các phiền não cấu là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Phiền não cấu lục não,  
Hại hận, siểm, cuống, kiêu  
Cuống kiêu tông tham sinh  
Hại hận tông sân khởi.  
Não tông kiến thủ khởi  
Siểm tông chư kiến sinh.*

Dịch nghĩa:

*Sáu phiền não là não,  
hại, hận, siểm, cuống, kiêu  
Cuống, kiêu theo tham sinh.  
Hại, hận theo sân khởi.  
Não theo kiến thủ khởi.  
Siểm theo các kiến sinh.  
(Sáu phiền não cấu là não  
Hại, hận, siểm, cuống, kiêu  
Cuống, kiêu khởi từ tham  
Hại, hận khởi từ sân  
Não khởi từ kiến thủ  
Siểm khởi từ các kiến).*

**Luận:** Cuống là lừa phỉnh người khác, siểm là sự không thẳng thắn của tâm, khiến cho người ta không nói đúng sự thật: hoặc là không chịu bác bỏ những lúc cần phải bác bỏ, hoặc là giải thích theo một cách hồ đồ, kiêu là giống như đã được trình bày ở trước, não là sự cố chấp việc ác (chấp chư hữu tội sự) khiến cho người ta không chịu nghe theo các lời khuyên can, hận là sự thù hận, hại là sự oán ghét được biểu hiện qua các việc làm và lời nói có hại cho người khác.

Cuống và kiêu xuất phát từ tham, hận và hại xuất phát từ sân, não xuất phát từ kiến thủ, siểm xuất phát từ kiến.

Siểm là đấng lưu của kiến vì có bài tụng đã nói: “Sự khuất khúc là gì? Đó là ác kiến”.

Triền và cấu sinh khởi từ phiền não, vì thế chúng được gọi là tùy



phiền não.

Hỏi: Tùy phiền não được đoạn trừ như thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Triền vô tâm, quý miên*

*Hôn trạo kiến tu đoạn*

*Dư cập phiền não câu*

*Tự tại cố duy tu.*

Dịch nghĩa:

*Triền vô tâm, quý, miên*

*Hôn, trạo kiến tu đoạn*

*Triền khác và phiền não*

*Tự tại nên tu đoạn.*

(Các triền không hổ, không thẹn, miên hôn trầm, trạo cử thuộc kiến tu đoạn. Các triền còn lại và phiền não cấu vốn tự tại nên chỉ thuộc tu đoạn).

**Luận:** Trong số mười triền nói trên thì năm loại đầu tiên, bắt đầu từ không hổ vì tương ứng với hai phiền não nên được đoạn trừ do kiến đạo và tu đạo. Chúng được đoạn trừ do kiến đạo khi loại phiền não mà chúng tương ứng cũng thuộc về kiến đạo. Số còn lại (tật v.v...) chỉ được đoạn trừ do tu đạo vì chúng thuộc loại “tự tại” và vì chỉ tương ứng với vô minh. Các phiền não cấu cũng được đoạn trừ giống như vậy.

Hỏi: Có phải tất cả tùy phiền não đều thuộc tánh bất thiện?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Dục tam nhị dư ác*

*Thượng giới giai vô ký.*

Dịch nghĩa :

*Ba Dục hai ác khác*

*Cõi trên đều vô ký.*

(Ba tùy phiền não ở Dục giới thuộc hai tánh, số còn lại là ác. Tùy phiền não ở thượng giới đều thuộc tánh vô ký).

**Luận:** Hôn trầm, trạo cử và miên thuộc tánh bất thiện và vô ký. Bên trên Dục giới, ở nơi nào có các tùy phiền não thì ở nơi đó chỉ có loại vô ký.

Hỏi: Có bao nhiêu tùy phiền não ở các giới khác nhau?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Siểm, cống Dục sơ định*

*Tam ta giới dư dục.*

Dịch nghĩa :

*Siểm, cuống : Dục, sơ định.*

*Ba cõi ba, Dục khác.*

(Siểm, cuống ở Dục giới và sơ định

Ba loại ở cả ba giới, số còn lại thuộc Dục giới).

**Luận:** Siểm và cuống chỉ có ở hai giới là Dục giới và Sắc giới. Không thể nghi ngờ về điều này vì Đại Phạm vương đã cố ý lừa phỉnh Bí-sô Mã Thắng khi tự đưa ra một định nghĩa không chính xác. Điều này đã được nói đến trước đây nhưng vì có liên quan đến tùy phiền não nên được nhắc lại ở đây. Ba loại hôn trầm, trạo cử, và kiêu có ở cả ba giới. Trong số mười sáu tùy phiền não, mười triền và sáu cấu, thì mười một loại chỉ tồn tại ở Dục giới, tức loại trừ siểm, cuống, hôn, trầm, trạo cử và kiêu.

Hỏi: Trong số các phiền não và tùy phiền não, có bao nhiêu loại chỉ có ở giới địa của ý căn, và bao nhiêu loại ở giới địa của sáu thức?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Kiến sở đoạn mạn miên*

*Tự tại tùy phiền não*

*Giai duy ý địa khởi*

*Dư thông y lục thức.*

Dịch nghĩa :

*Kiến đoạn trừ mạn, miên*

*Tùy phiền não tự tại*

*Đều ở địa ý khởi*

*Số khác nương sáu thức.*

(Loại thuộc kiến đoạn, mạn, miên và các tùy phiền não tự tại đều khởi từ ý địa. Số còn lại nương vào sáu thức).

**Luận:** Các phiền não và tùy phiền não thuộc kiến đoạn chỉ nương vào ý thức, mạn và miên, vốn thuộc tu đoạn, cũng có chỗ dựa là ý thức vì cả hai loại này đều là giới địa của ý ở cả ba giới. Các tùy phiền não “tự tại” thuộc tu đoạn cũng thế.

Các phiền não và tùy phiền não khác đều nương vào sáu thức. Đó là tham thuộc tu đoạn, sân, vô minh, các tùy phiền não tương ứng với chúng là không hổ, không thẹn, hôn trầm, trạo cử, và các phiền não thuộc nhóm đại phiền não địa pháp.

Hỏi: Phiền não và tùy phiền não tương ứng với những loại căn nào của thọ?

Đáp: Trước hết hãy kể đến các phiền não thuộc Dục giới:

Tụng giới: (Âm Hán)

*Dục giới chư phiền não  
Tham hỷ lạc tương ứng  
Sân ưu khổ si biến  
Tà kiến ưu cập hỷ  
Nghĩ ưu dư ngũ hỷ  
Nhất thiết xả tương ứng  
Biến tự thức chư thọ.*

Dịch nghĩa :

*Các phiền não Dục giới  
Tham, hỷ tương ứng hỷ lạc  
Sân ưu, khổ. Si khắp  
Tà kiến, ưu và hỷ  
Nghĩ ưu năm với hỷ  
Tất cả tương ứng xả  
Địa trên đều tùy ứng  
Khắp các thọ tự thức.*

(Các phiền não Dục giới có tham tương ứng với hỷ và lạc. Sân tương ứng với ưu và khổ, si tương ứng với tất cả. Tà kiến tương ứng với ưu và hỷ. Nghĩ tương ứng với ưu, năm phiền não còn lại tương ứng với hỷ. Tất cả đều tương ứng với xả. Ở thượng địa thì tương ứng với các thọ phù hợp với loại thức riêng của chúng).

**Luận:** Tham tương ứng với lạc căn và hỷ căn, sân tương ứng với khổ căn và ưu căn, vì tham và sân có hành tướng là sự hoan hỷ hoặc sự âu lo, và vì cả hai đều thuộc về sáu thức.

Vô minh tương ứng với tất cả năm thọ vì tương ứng với tất cả các phiền não.

Tà kiến tương ứng với ưu trong trường hợp của người có tạo tác nghiệp thiện nhưng đã âu lo vì các nghiệp này không sinh quả, trong trường hợp của người tạo nghiệp ác thì tương ứng với hỷ.

Nghĩ tương ứng với ưu vì khi đã nghĩ ngờ tức mong muốn biết được thật chính xác.

Các phiền não khác, tức các kiến ngoại trừ tà kiến và mạn, đều tương ứng với hỷ vì chúng có hành tướng là sự hoan hỷ.

Hỏi: Những tùy miên nào đã được bàn đến từ trước đến nay?

Đáp: Đó là các tùy miên thuộc Dục giới. Sau khi trình bày sự khác nhau của các tùy miên này, Luận chủ đã đưa ra một tính chất chung là tất cả các tùy miên này đều tương ứng với xả căn vì vào lúc chuỗi tương tục các phiền não bị suy kiệt thì nhất định phải có xả.

Hỏi: Đối với các phiền não ở thượng địa thì như thế nào?

Đáp: Chúng sẽ tương ứng với loại thọ phù hợp với chúng bất cứ khi nào có loại thọ này hiện hữu.

Ở tầng thiên thứ nhất, nơi có bốn loại thức nhãn, nhĩ, thân và ý, các tùy miên sinh khởi cùng với mỗi một trong số các thức này sẽ tương ứng với loại thọ phù hợp với loại thức này: như vậy sẽ có: 1. Lạc thọ tương ứng với nhãn thức, nhĩ thức và thân thức; 2. Hỷ thọ tương ứng với ý thức; 3. Xả thọ tương ứng với cả bốn thức.

Ở tầng thiên thứ hai v.v... nơi chỉ có ý thức thì các tùy miên sinh khởi cùng với loại thức này đều tương ứng với các thọ phù hợp với thức này ở tầng thiên riêng của mình: như vậy ở tầng thiên thứ hai sẽ có hỷ và xả, ở tầng thiên thứ ba có lạc và xả, tầng thiên thứ tư và các tầng thuộc Vô sắc giới chỉ có xả.

Đã nói các thọ tương ứng với phiền não, còn tùy phiền não thế nào ?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chư tùy phiền não trung  
Tật hối phần cập não  
Hại hận ưu câu khởi  
Xan hỷ thọ tương ứng  
Siểm cuống cập miên phú  
Thông ưu hỷ câu khởi  
Kiêu hỷ lạc giai xả  
Dư tứ biến tương ứng.*

Dịch nghĩa :

*Trong các tùy phiền não  
Tật, hối, não và phần  
Hại, hận, ưu đều khởi  
Xan, hỷ, thọ tương ứng  
Siểm, cuống và miên phú  
Cùng ưu, hỷ đều khởi  
Kiêu, hỷ lạc đều xả  
Bốn thứ tương ứng thọ.*

(Trong các tùy phiền não là tật, hối, phần, não, hại, hận đều cùng khởi với ưu. Xan tương ứng với hỷ thọ. Siểm, cuống, miên, phú cùng khởi với ưu và hỷ. Kiêu tương ứng với hỷ lạc, tất cả đều tương ứng với xả. Bốn loại còn lại tương ứng với tất cả các thọ).

**Luận:** Sáu tùy phiền não tật, hối, phần, não, hại và hận đều tương

ứng với ưu vì chúng đều có hành tướng là sự lo âu và đều thuộc về giới địa của ý.

Xan tương ứng với hỷ và có hành tướng là sự hoan hỷ vì xan xuất phát từ sự tham muốn.

Siểm, cưỡng, miên, phú, ưu tương ứng với hỷ trong trường hợp lừa phỉnh người khác với tâm hoan hỷ nhưng nếu lừa phỉnh với tâm âu lo thì lại tương ứng với ưu.

Kiêu tương ứng với hỷ và lạc. Ở tầng thiên thứ ba, kiêu tương ứng với lạc thọ, ở các địa phía dưới thì tương ứng với hỷ, ở các địa trên thì tương ứng với xả.

Như vậy tất cả đều tương ứng với xả, cũng giống như trường hợp tất cả các phiền não và tùy phiền não đều tương ứng với vô minh và không có trường hợp ngoại lệ.

Bốn triền là không hổ, vô ký, hôn trầm và trạo cử đều tương ứng với năm thọ vì hai loại triền đầu thuộc nhóm đại bất thiện địa pháp, hai loại sau thuộc nhóm đại phiền não địa pháp.

Khi phân tích từ một quan điểm khác thì Khế kinh lại tuyên bố có năm loại chương ngại (cái) trong số các phiền não và tùy phiền não được nói ở trên:

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Cái ngũ duy tại Dục  
Thực, trị dụng đồng cố  
Tùy nhị lập nhất cái  
Chương uẩn cố duy ngũ.*

Dịch nghĩa:

*Năm “cái” ở cõi Dục  
Thực, trị dụng giống nhau  
Tuy hai lập một “cái”  
Chương uẩn thành năm “cái”.*

(Cái chỉ có ở Dục giới vì cùng có thật, trị, và dụng giống nhau. Tuy hai loại lập thành một cái nhưng vì chương ngại các uẩn nên chỉ có năm cái).

**Luận:** Năm “cái” là dục tham, sân khuể, hôn miên, trạo hối và nghi.

Hỏi: Ba loại hôn, trạo và nghi được nói đến ở đây chỉ có ở Dục giới hay ở cả ba giới?

Đáp: Khế kinh nói tất cả các “cái” đều thuộc tánh bất thiện vì thế chỉ có ở Dục giới.

Hỏi: Tại sao hôn trầm và miên cũng như trạo cử và hối lại được lập thành hai loại “cái” riêng?

Đáp: Được lập thành một “cái” là vì chúng có cùng thức ăn, sự đối trị, và tác dụng như nhau.

Ở đây khi nói “đối trị” là có ý chỉ cho sự “ngược lại”, tức những gì chống lại sự lãnh sự (thức ăn).

Kinh dạy hôn trầm và miên có cùng một loại thức ăn, một loại chống lại thức ăn.

Hỏi: Thức ăn của hôn trầm và miên là gì?

Đáp: Đó là năm pháp đạng mộng, bất lạc, tần thân, thực bất bình, tâm muội liệt.

Hỏi: Loại chống lại thức ăn của hôn trầm và miên là gì?

Đáp: Đó là quang minh tưởng.

Hôn trầm và miên đều có chung tác dụng là làm cho tâm mê muội.

Giống như hôn trầm và miên, trạo cử và hối cũng có chung một loại thức ăn, loại chống lại thức ăn, và có chung tác dụng. Loại thức ăn là bốn pháp thân lý tâm, quốc độ tâm, bất tử tâm, sự nhớ lại những việc vui thích đã làm trong quá khứ, loại chống lại thức ăn là sự tịch tĩnh, tác dụng là làm cho tâm không được tịch tĩnh.

Hỏi: Tất cả các phiền não đều là cái, tại sao kinh chỉ nói đến năm loại trên?

Đáp: Vì chúng hủy hoại các uẩn và vì nghi. Dục tham và khuể hủy hoại giới uẩn, hôn-miên hủy hoại tuệ uẩn, trạo hối hủy hoại định uẩn. Vì không có tuệ và định nên khởi nghi đối với bốn đế.

Hỏi: Nếu giải thích trên là chính xác thì trong số các cái, trạo hối vốn là loại chướng ngại định lẽ ra phải được nói đến trước loại hôn miên. Và nếu theo thứ tự như vậy thì hai loại cái trên sẽ hủy hoại các uẩn thuộc định và tuệ vì tác hại đối với những người tu định chính là hôn miên, và tác hại đối với những người tu tuệ chính là trạo hối.

Có luận sư lại đưa ra một giải thích khác.

Hỏi: Họ giải thích như thế nào?

Đáp: Một người tu vào lúc đi (hành vị) thì nhận biết một sự vật khả ái hoặc không khả ái và biết đó là khả ái hoặc không khả ái, nhưng khi người này đình trụ thì dục tham và sân hận vốn sinh khởi từ ấn tượng khả ái hoặc không khả ái này trước tiên sẽ gây chướng ngại cho sự nhập định của người này. Sau đó khi đã nhập định, thì vì không thể tu tập chỉ quán nên lại khởi hôn miên, trạo hối lần lượt ngăn ngại định và tuệ (Tỳ-

bát-xá-na). Cuối cùng vào lúc xuất định, khi tư trạch các pháp thì nghi lại gây ra chướng ngại. Vì thế chỉ lập thành năm loại cái.

Ở đây có một vấn đề cần suy nghĩ là chúng ta hãy xét đến các phiền não biến hành thuộc về một giới địa khác - tức là các phiền não tạo thành nhóm tà kiến v.v... thuộc kiến khổ tập đoạn, và có đối tượng duyên là hai giới ở trên. Đối tượng duyên này được nhận biết hoàn toàn (biến tri) nhờ vào khổ loại trí và tập loại trí có đối tượng duyên là các giới địa ở trên. Tuy nhiên không phải các phiền não nói trên được đoạn trừ vào lúc sinh khởi hai loại trí này vì các phiền não này vốn cũng có đối tượng duyên là Dục giới cho nên đã được đoạn trừ trước đó vì khổ pháp trí và tập pháp trí vốn sinh khởi trước loại trí.

Ngược lại đối với các phiền não có đối tượng duyên hữu lậu và thuộc kiến diệt đạo đoạn tức là các phiền não thuộc nhóm kiến thủ thì không phải chúng được đoạn trừ vào lúc đối tượng duyên của chúng (tức là nhóm tà kiến thuộc kiến diệt đạo đoạn) được biến tri (nhờ có khổ tập loại trí hoặc khổ tập pháp trí) mà chúng chỉ được đoạn trừ về sau nhờ vào kiến diệt và kiến đạo.

Hỏi: Như vậy làm sao có thể nói hai nhóm phiền não này được đoạn trừ do cái biết về đối tượng duyên?

Đáp: Không phải tất cả phiền não chỉ được đoạn trừ do đối tượng duyên trí mà chúng còn có thể được đoạn trừ theo bốn cách:

Tụng nói: (Âm Hán)

*Biến tri sở duyên cố  
Đoạn bỉ năng duyên cố  
Đoạn bỉ sở duyên cố  
Đối trị khởi cố đoạn.*

Dịch nghĩa:

*Do biến tri sở duyên  
Đoạn trừ năng duyên kia  
Đoạn trừ sở duyên kia  
Đối trị khởi nên đoạn.*

(Do biến tri đối tượng duyên đoạn trừ chủ thể duyên. Đoạn trừ đối tượng duyên và đối trị khởi nên đoạn).

**Luận:** Các phiền não thuộc kiến đoạn được đoạn trừ do:

1. Biến tri đối tượng duyên: Đây là trường hợp của (a) các phiền não duyên vào giới địa mà chúng hệ thuộc, được đoạn trừ do kiến khổ tập, và (b) các phiền não có đối tượng duyên vô lậu, được đoạn trừ do kiến diệt đạo.

2. Sự đoạn trừ loại phiền não có các phiền não thuộc kiến đoạn được nói đến ở trên làm đối tượng duyên, loại phiền não này chính là các phiền não biến hành ở một giới địa khác thuộc kiến khổ tập đoạn. Các “kiến đạo đoạn hoặc” là đối tượng duyên của loại phiền não biến hành ở giới địa riêng của chúng (tự giới): có nghĩa là nhờ loại phiền não này được đoạn trừ nên các phiền não trên mới được đoạn trừ.

3. Sự đoạn trừ đối tượng duyên của các “kiến đạo đoạn hoặc”, tức là các phiền não có một đối tượng duyên hữu lậu và thuộc loại kiến diệt đạo đoạn. Các phiền não này duyên loại phiền não có đối tượng duyên vô lậu, và khi loại phiền não (có đối tượng duyên vô lậu) này được đoạn trừ thì các phiền não kia cũng được đoạn trừ.

Các phiền não thuộc tu đoạn được đoạn trừ do sự sinh khởi của pháp đối trị. Khi loại Thánh đạo đối nghịch với một nhóm phiền não nào đó được sinh khởi thì nó sẽ giúp đoạn trừ nhóm phiền não này.

Hỏi: Loại Thánh đạo nào đối trị nhóm phiền não nào?

Đáp: Điều này sẽ được giải thích chi tiết: “Loại Thánh đạo thuộc hạ hạ phẩm đối trị nhóm phiền não thuộc thượng thượng phẩm... Loại Thánh đạo thuộc thượng thượng phẩm đối trị nhóm phiền não thuộc hạ hạ phẩm”.

Hỏi: Có bao nhiêu loại đối trị?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đối trị hữu tứ chủng  
Vị đoạn, trì, viễn, yếm.*

Dịch nghĩa:

*Đối, trị có bốn loại Là  
đoạn, trì, viễn, yếm.*

(Đối trị có bốn loại là đoạn, trì, viễn, yếm).

**Luận:** Pháp đối trị có bốn loại: 1. Đoạn đối trị chính là đạo vô gián; 2. Trì đối trị là loại Thánh đạo (đạo giải thoát) đi liền sau Thánh đạo trên và có công năng trì giữ sự đoạn trừ mà Thánh đạo trên đã đạt được; 3. Viễn phần đối trị là loại Thánh đạo đi liền sau đạo giải thoát và có công năng giúp xa lìa sự hoạch đắc các phiền não đã được đoạn trừ trước đây. Có luận sư cho đạo giải thoát cũng thuộc loại viễn phần đối trị vì nó cũng có công năng xa lìa sự hoạch đắc phiền não; 4. Yếm hoạn đối trị là loại Thánh đạo làm cho chán ghét một giới nào đó vì cho giới này có quá nhiều khuyết điểm (như vô thường v.v...). Tuy nhiên sau đây là thứ tự chính xác nhất của các loại đối trị trên: 1. Yếm hoạn đối trị, tức đạo gia hạnh; 2. Đoạn đối trị, tức toàn bộ các đạo vô gián; 3. Trì đối trị,



tức đạo giải thoát; 4. Viễn phần đối trị, tức đạo thẳng tiến.

Hỏi: Các phiền não được đoạn trừ là nhờ sự tách rời với cái gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ung tri tòng sở duyên  
Khả linh chư hoặc đoạn.*

Dịch nghĩa:

*Nên biết từ sở duyên  
Nên các hoặc được đoạn.*

Nên biết từ đối tượng duyên mà các hoặc được đoạn trừ).

**Luận:** Không thể tách rời phiền não với các pháp tương ứng (tức là các pháp tương ứng với tâm như thọ v.v...). Mà chỉ có thể tách rời chúng với đối tượng duyên để chúng không thể sinh khởi trở lại khi duyên đối tượng duyên này.

Hỏi: Các phiền não vị lai có thể tách rời khỏi đối tượng duyên của chúng nhưng đối với phiền não quá khứ thì sao? (Vì sự vật mà phiền não này lấy làm đối tượng duyên vẫn còn được chấp làm đối tượng duyên)

Đáp: Có phải các ông cho khi nói “đoạn trừ nhờ tách rời với đối tượng duyên” là hàm ý “đoạn trừ nhờ sự nhận biết toàn bộ đối tượng duyên”? Nếu được hiểu như vậy thì không hợp lý vì không có tính chất phổ quát. Vì thế vấn đề cần phải giải quyết ở đây là: Vì sao các phiền não được gọi là “đoạn”? Loại phiền não của riêng bản thân mình được đoạn trừ là nhờ đoạn trừ được sự hoạch đắc loại phiền não này. Đối với các phiền não của người khác, đối với sắc pháp thuộc nhóm của chúng (như thiện v.v...), và đối với các pháp bất nhiễm thì tất cả đều được đoạn trừ nhờ đoạn trừ được loại phiền não “tự tương tục” vốn lấy các pháp trên làm đối tượng duyên..

Hỏi: Có bao nhiêu loại thuộc tánh “viễn phần”?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Viễn tánh hữu tứ chủng  
Vị tương, trị, xứ, thời  
Như đại chủng Thi la Di  
phương nhị thế đẳng.*

Dịch nghĩa:

*Tánh viễn có bốn loại  
Là tương, trị, xứ, thời  
Như đại chủng, thi-la  
Phương khác, thế giới khác.*

(Viễn tánh có bốn loại là tướng, trị, xứ và thời. Giống như đại chủng, Thi-la, phương khác và hai đời.)

**Luận:** Theo truyền thuyết, có bốn loại viễn tánh:

1. Tướng viễn tánh, tức là sự xa lìa do sự khác nhau của tướng, mặc dù các đại chủng cùng sinh khởi với nhau nhưng chúng vẫn xa rời nhau vì có thể tánh khác nhau.

2. Trị viễn tánh, tức là sự xa lìa do sự đối nghịch nhau, tỷ dụ như sự phạm giới thì xa rời với các giới hạn.

3. Xứ viễn tánh là sự xa cách về nơi chốn, giống như sự xa cách của biển Đông và biển Tây.

4. Thời viễn tánh là sự xa cách về thời gian, như quá khứ và vị lai.

Hỏi: Quá khứ và vị lai đều xa cách, nhưng chúng xa cách với cái gì?

Đáp: Xa cách với hiện tại.

Hỏi: Quá khứ vừa mới diệt và vị lai thì đang sinh, như vậy làm sao có thể nói chúng xa cách với hiện tại?

Đáp: Theo chúng tôi chính vì sự khác nhau về thời gian nên quá khứ và vị lai được gọi là cách xa chứ không phải vì chúng nằm xa trong quá khứ hoặc trong vị lai.

Hỏi: Nếu vậy hiện tại cũng được gọi là xa cách vì nó cũng tạo thành một thời điểm khác biệt.

Đáp: Chúng tôi cho quá khứ và vị lai cách xa là do tác dụng.

Hỏi: Các pháp vô vi vốn không có tác dụng thì làm sao có thể gọi là gần?

Đáp: Vì hai loại diệt pháp có thể được hoạch đắc ở khắp nơi.

Hỏi: Nếu vậy giải thích này cũng đúng với quá khứ và vị lai (vì người ta vẫn được các pháp thiện v.v... quá khứ và vị lai), và làm thế nào hư không vốn không thể hoạch đắc lại được gọi là gần?

Đáp: Chúng tôi nói quá khứ và vị lai cách xa nhau vì chúng được tách rời do hiện tại, và hiện tại được gọi là gần vì gần với quá khứ và vị lai: pháp vô vi sở dĩ được gọi là gần vì không bị tách rời, không bị ngăn ngại do bất cứ sự vật nào cả.

**Luận chủ:** Nếu vậy trong cùng một lúc quá khứ và vị lai có thể vừa xa vừa gần: xa là vì cách xa nhau và gần là vì gần với hiện tại. Sau đây là giải thích hợp lý nhất: Vị lai cách xa tự tướng của các pháp vì đã không đạt đến được tự tướng này, quá khứ cách xa tự tướng của các pháp vì đã thoái thất tự tướng này.

Hỏi: Trên đây có nói phiền não được đoạn trừ nhờ có sự sinh khởi của pháp đối trị. Như vậy có phải vẫn có sự “tiếp tục đoạn trừ” các phiền não nhờ vào đạo thẳng tiến?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chư hoặc vô tái đoạn  
Ly hệ hữu trùng đắc  
Vị tri sinh đắc quả  
Luyện căn lục thời trung.*

Dịch nghĩa:

*Các hoặc không lại đoạn  
Lìa buộc được nhiều lần  
Gọi trị sinh, đắc quả  
Luyện căn trong sáu thời.*

(Các hoặc không được đoạn lần thứ hai. Lìa buộc có thể được nhiều lần. Vào sáu thời điểm của trị sinh, đắc quả và luyện căn).

**Luận:** Mỗi một phiền não chỉ được đoạn trừ một lần do loại Thánh đạo được gọi là “đoạn đạo” của chính loại phiền não này. Nhưng việc hoạch đắc sự lìa buộc đối với các phiền não này lại xảy ra nhiều lần.

Hỏi: Sự đạt được lìa buộc xảy ra ở bao nhiêu thời điểm?

Đáp: Ở sáu thời điểm. Đó là lúc trị đạo sinh khởi, lúc đắc quả, và lúc rèn luyện các căn.

Ở đây khi nói “trị đạo” là nhằm chỉ cho đạo giải thoát, nói “quả” là để chỉ cho bốn quả của Thánh giả Dự lưu v.v..., nói “rèn luyện căn” có nghĩa là chuyển căn.

Vào sáu thời điểm này thì đạt được sự lìa buộc các phiền não. Có trường hợp phải đủ cả sáu thời mới được sự lìa buộc các phiền não nhưng cũng có trường hợp chỉ cần đến hai thời. Sự lìa buộc, trong một số trường hợp, còn có tên gọi là biến tri. Người ta phân biệt hai loại biến tri: trí biến tri, tức là vô lậu trí, và đoạn biến tri, tức là sự đoạn trừ vì đây là trường hợp quả được đặt tên theo nhân.

Hỏi: Có phải tất cả các sự đoạn trừ đều lập thành một loại biến tri?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đoạn biến tri hữu cửu  
Dục sơ nhị đoạn nhất  
Nhị các nhất hợp tam  
Thượng giới tam diệc nhĩ  
Dư ngũ thuận hạ phần*

*Sắc nhất thiết đoạn tam.*

Dịch nghĩa:

*Có chín đoạn biến tri  
Dục sơ, nhị đoạn một  
Hai một hợp thành ba  
Ba cõi trên cũng vậy  
Năm khác thuận phần dưới  
Sắc giới đoạn cả ba.*

(Có chín đoạn biến tri:

Đoạn trừ hai loại (phiền não) đầu tiên của Dục giới là một biến tri

Hai loại còn lại mỗi loại là một biến tri, tất cả là ba. Thượng giới cũng có ba như vậy. Ba biến tri khác là sự đoạn trừ năm kết sử thuận hạ phần,

Sắc giới (kết sử), toàn bộ (kết sử)).

**Luận:** Có tất cả chín biến tri.

Trước tiên, sự đoạn trừ hai loại đầu tiên của Dục tạo thành một biến tri. Đó là sự đoạn trừ hai loại phiền não đầu tiên của Dục giới, tức các phiền não thuộc kiến khổ đoạn và kiến tập đoạn.

Sự đoạn trừ các phiền não Dục giới thuộc kiến diệt đoạn tạo thành một biến tri, sự đoạn trừ các phiền não Dục giới thuộc kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Giống như sự đoạn trừ các phiền não Dục giới thuộc kiến đoạn tạo thành ba biến tri, ở hai giới trên, sự đoạn trừ các phiền não thuộc kiến khổ đoạn và kiến tập đoạn tạo thành một biến tri, sự đoạn trừ các phiền não thuộc kiến diệt đoạn tạo thành biến tri thứ hai, sự đoạn trừ kiến đạo đoạn tạo thành biến tri thứ ba.

Như vậy sáu biến tri đối với sự đoạn trừ phiền não đều thuộc về ba cõi và đều được đoạn trừ do kiến đế.

Ngoài ra còn ba biến tri khác:

Sự đoạn trừ các kết sử thuận hạ phần, tức là các kết sử Dục giới, tạo thành một biến tri.

Sự đoạn trừ các kết sử Sắc giới còn được gọi là sắc ái tận biến tri tạo thành một biến tri.

Biến tri thứ ba là sự đoạn trừ toàn bộ các kết sử, và còn có tên là “nhất thiết kết vĩnh tận biến tri”.

Ba loại biến tri này đều là sự đoạn trừ các phiền não thuộc tu đạo.

Đối với sự đoạn trừ các phiền não thuộc tu đoạn, người ta đã phân biệt hai trường hợp thuộc Sắc giới và Vô sắc giới, nhưng đối với sự đoạn trừ các phiền não thuộc kiến đoạn thì không có sự phân biệt này vì chúng cùng có đạo đối trị giống nhau.

Hỏi: Trong chín loại biến tri này có bao nhiêu đạo quả?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ư trung nhãn quả lục  
Dự tam thị trí quả  
Vị chí quả nhất thiết  
Căn bản ngũ hoặc bát  
Vô sắc biên quả nhất  
Tam căn bản diệc nhĩ  
Tục quả nhị Thánh cửu  
Pháp trí tam, loại nhị  
Pháp trí phẩm quả lục  
Loại trí phẩm quả ngũ.*

Dịch nghĩa:

*Trong ấy sáu quả nhãn  
Ba quả khác, trí quả  
Tất cả vị chí quả  
Năm hoặc tám căn bản  
Vô sắc có một quả  
Ba căn bản cũng vậy  
Hai thế tục, chín Thánh  
Pháp trí ba loại hai  
Phẩm pháp trí sáu quả  
Phẩm loại trí năm quả.*

(Trong đó có sáu nhãn quả. Ba quả còn lại là trí quả. Tất cả đều là vị chí quả. Năm hoặc tám căn bản quả. Một quả của Vô sắc biên. Ba định căn bản cũng như vậy. Hai quả của thế đạo, chín của Thánh đạo. Ba quả của Pháp trí, hai quả của loại trí. Sáu quả của Pháp trí phẩm. Năm quả của loại trí phẩm).

**Luận:** Sáu biến tri đầu tiên, tức sự đoạn trừ các phiền não thuộc kiến đế, đều là quả của nhãn.

Ba loại biến tri, mà loại đầu tiên là sự đoạn trừ các kết sử thuộc thuận hạ phần, đều được nhờ vào tu đạo và vì thế chúng đều là quả của trí.

Hỏi: Làm sao biến tri lại có thể là quả của nhãn?

Đáp: Vì các nhãn đều là quyền thuộc của trí, cũng giống như quyền thuộc của vua nên tạm mượn tên vua, hoặc vì nhãn và trí có chung quả.

Hỏi: Ở tầng định nào thì đạt được biến tri?

Đáp: Tất cả đều là quả của định vị chí, năm hoặc tám biến tri là quả của định căn bản.

Theo Tỳ-bà-sa, có năm biến tri là quả của định căn bản tức là các biến tri bao gồm sự đoạn trừ các phiền não thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Sự đoạn trừ các phiền não thuộc Dục giới chỉ là quả của định vị chí, tức là của loại định chuẩn bị cho tầng định đầu tiên.

Theo Tôn giả Diệu Âm có tám biến tri là quả của định căn bản. Nếu một người đã xả lìa dục giới nhờ vào đạo thế tục hoặc hữu lậu đạo và nhập vào kiến đế hoặc kiến đạo (đạo vô lậu) nhờ nương vào các tầng thiền định thì sự đoạn trừ các phiền não Dục giới thuộc kiến đạo của người này, tức là sự hoạch đắc lìa buộc đối với các phiền não của người này, phải được xem như là quả của kiến đạo vì sự hoạch đắc này vốn thuộc vô lậu. Chỉ có loại biến tri đối với các kết sử thuận hạ phần là quả của định vị chí.

Trung gian định cũng giống như định căn bản.

Sắc ái tận biến tri là quả của địa cận phần nơi không biên xứ. (Để nhập vào tầng Vô sắc đầu tiên, người ta phải lìa bỏ các phiền não thuộc Sắc giới, và đây chính là việc được làm ở địa cận phần này).

Nhất thiết kết vĩnh tận biến tri là quả của ba tầng Vô sắc căn bản.

Tất cả chín loại biến tri đều đạt được nhờ Thánh đạo vô lậu, tuy nhiên hai loại biến tri thứ bảy và tám cũng có thể đạt được nhờ đạo hữu lậu.

Hai loại biến tri cuối cùng là quả của Loại trí (tức là loại trí duyên khổ v.v... của hai giới ở trên) được bao hàm trong tu đạo.

Ba loại biến tri cuối cùng là quả của Pháp trí (tức là loại trí duyên khổ v.v... của Dục giới) được bao hàm trong tu đạo vì loại trí này đối trị các phiền não thuộc tu đoạn ở cả ba giới.

Có sáu biến tri là quả của nhóm “Pháp trí”, tức là các biến tri làm quả của các Pháp nhãn và của các Pháp trí.

Có năm biến tri là quả của nhóm “Loại trí”, tức là các biến tri làm quả của các Loại nhãn và các Loại trí. Ở đây khi nói “nhóm” (phẩm) là nhằm chỉ cho các loại nhãn và trí.

Hỏi: Tại sao không phải tất cả các sự đoạn trừ đều được xem là

biến tri?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đắc vô lậu đoạn đắc  
Cập khuyết Đệ nhất hữu  
Diệt song nhân việt giới  
Cố lập cứu biến tri.*

Dịch nghĩa:

*Được vô lậu đoạn đắc  
Và khiếm khuyết Hữu Đảnh  
Diệt hai nhân, vượt giới  
Nên lập chín biến tri.*

(Vì có sự hoạch đắc lìa buộc vô lậu, khiếm khuyết Hữu Đảnh diệt hai nhân, và siêu việt giới nên lập thành chín loại biến tri).

**Luận:** Biến tri có ba tính chất là: 1. Hoạch đắc lìa buộc thuộc tánh vô lậu, 2. Đoạn trừ một phần Hữu Đảnh; 3. Diệt trừ hai nhân. Chỉ có sự đoạn trừ nào có ba tính chất này mới được gọi là biến tri.

Sự đoạn trừ của Dị sinh có thể bao hàm sự diệt trừ hai nhân, nhưng Dị sinh không bao giờ hoạch đắc lìa buộc vô lậu, không bao giờ “làm khuyết” một phần của Hữu Đảnh.

Đối với Thánh giả, kể từ khi nhập vào kiến đạo cho đến sát-na thứ ba (khổ loại trí nhãn) thì sự đoạn trừ của họ có được sự hoạch đắc lìa buộc vô lậu, nhưng chưa “làm khuyết” Hữu Đảnh, chưa diệt trừ được hai nhân biến hành thuộc kiến khổ đoạn và kiến tập đoạn. Vào sát-na thứ tư (khổ loại trí) thì Hữu Đảnh mới bị “làm khuyết”, và vào sát-na thứ năm cũng như vậy (tập pháp trí nhãn), tuy nhiên hai nhân vẫn chưa được diệt trừ. Phải ở vào các sát-na thứ sáu, thứ mười và mười bốn (pháp trí) và các sát-na thứ tám, thứ mười hai và thứ mười sáu (loại trí) thì sự đoạn trừ mới có đủ cả ba tính chất để được gọi là biến tri.

Đối với ba loại biến tri bao hàm sự đoạn trừ là các quả của trí, thì chúng được nêu tên như vậy là do có ba tính chất trên cộng thêm tính chất thứ tư là “vượt qua một cõi, có nghĩa là hành giả đã hoàn toàn tách khỏi một giới nào đó, (tỷ dụ như tách rời Dục giới ở loại biến tri thứ bảy v.v...).

Có luận sự cho vẫn còn một nhân thứ năm là sự lìa bỏ hai trí buộc. Nếu chỉ mới đoạn trừ được một loại phiền não (thuộc kiến đạo) thì chưa đủ mà cần phải đoạn trừ thêm các phiền não (thuộc kiến và tu đạo) vốn có loại phiền não trên làm cảnh nơi đối tượng duyên.

Tuy nhiên loại nhân này đã được bao hàm trong tính chất “diệt trừ

hai nhân” và tính chất “vượt cõi”, vì thế không cần phải lập thành một loại nhân riêng.

Hỏi: Có thể thành tựu bao nhiêu loại biến tri?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Trụ kiến đế vị vô  
Hoặc thành nhất chí ngũ  
Tu hành lục, nhất, nhị  
Vô học duy thành nhất.*

Dịch nghĩa:

*Kiến đế chưa thành tựu  
Hoặc thành một đến năm  
Tu thành sáu, một, hai  
Vô học chỉ thành một.*

(Ở giai đoạn kiến đế, chưa thành tựu, hoặc thành tựu một đến năm. Ở tu đạo, thành tựu sáu, một, hai. Ở đạo Vô học chỉ thành tựu một).

**Luận:** Không có biến tri đối với dị sinh.

Ở kiến đạo, Thánh giả vẫn chưa thành tựu được biến tri cho đến giai đoạn của tập pháp trí nhãn, Thánh giả bắt đầu thành tựu được một biến tri ở giai đoạn của tập pháp trí và tập loại trí nhãn, thành tựu hai biến tri ở giai đoạn của tập loại trí và diệt pháp trí nhãn, thành tựu ba biến tri ở giai đoạn của diệt pháp trí và diệt loại trí nhãn, thành tựu bốn biến tri ở giai đoạn của diệt loại trí và đạo pháp trí nhãn, thành tựu năm biến tri ở giai đoạn của đạo pháp trí và đạo loại trí nhãn.

Ở tu đạo, Thánh giả thành tựu sáu biến tri kể từ giai đoạn của Đạo loại trí cho đến khi chưa đạt được sự xả lìa dục giới hoặc cho đến khi bị thoái thất sau khi đã đắc (lìa dục thoái). Khi đạt được sự lìa bỏ này hoặc trước hoặc sau khi kiến đế (kiến đạo) thì Thánh giả chỉ đạt được loại biến tri thuận hạ phần.

Thánh giả đắc quả A-la-hán chỉ thành tựu loại biến tri nhất thiết kết vĩnh tận.

Thánh giả bị thoái thất quả vị A-la-hán do một phiền não thuộc Sắc giới vẫn còn thuộc hàng các Thánh giả đã xả lìa Dục giới, và vì thế chỉ thành tựu loại biến tri thuận hạ phần tận. Nếu bị thoái thất do một phiền não của Dục giới thì thuộc hàng các Thánh giả chưa xả lìa Dục giới, và thành tựu sáu biến tri. Nếu thoái thất do một phiền não của Vô sắc giới thì lại thuộc hàng các Thánh giả đã lìa bỏ Sắc giới, và thành tựu hai loại biến tri thuận hạ phần tận và sắc ái tận.



Hỏi: Tại sao đối với hàng Bất hoàn và A-la-hán chỉ lập một loại  
biến tri?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Việt giới đắc quả cố  
Nhị xứ tập biến tri.*

Dịch nghĩa:

*Siêu vượt cõi được quả  
Hai xứ tập, biến tri.*

(Vì việt giới và đắc quả  
Nên hai xứ đều tổng tập biến tri).

**Luận:** Tất cả biến tri được tổng hợp (tổng tập) thành chỉ một loại khi Thánh giả lìa bỏ một giới (vượt cõi) và đạt được một quả. Chỉ có Bất hoàn và A-la-hán có đủ hai điều kiện này nên các biến tri của họ được tổng tập thành chỉ một loại.

Hỏi: Bao nhiêu biến tri được xả và đắc? Tụng đáp:

*Xả nhất nhị ngũ lục Đắc diệc nhiên trừ  
ngũ. Xả một, hai, năm, sáu Trừ năm đắc  
cũng vậy.*

(Xả một, hai, năm, sáu  
Đắc cũng như vậy, chỉ trừ trường hợp đắc năm).

**Luận:** Thánh giả bị thoái thất quả A-la-hán hoặc thoái thất sự xả lìa dục giới bị mất một loại biến tri.

Bất hoàn đã lìa bỏ Sắc giới nếu bị thoái thất sự xả lìa dục giới bị mất hai loại biến tri.

Đối với trường hợp các Thánh giả đã xả lìa dục giới trước khi nhập vào kiến đạo thì khi đến được sát-na thứ mười sáu (đạo loại trí) sẽ xả bỏ năm loại biến tri vì lúc đó họ sẽ đạt được loại biến tri thuận hạ phần tận.

Trong trường hợp chưa xả lìa Dục giới trước khi nhập kiến đạo thì họ được loại biến tri thứ sáu mà họ sẽ xả bỏ cùng với năm biến tri khác khi lìa bỏ được Dục giới.

Trong cả hai Thánh đạo, nếu người nào được một loại biến tri chưa được trước đó thì gọi là đắc một biến tri.

Những người bị thoái thất sự lìa bỏ Vô sắc giới thì thành tựu được hai loại biến tri (thứ sáu và thứ bảy).

Những người thoái thất quả Bất hoàn thì thành tựu sáu biến tri.